

DANH MỤC THUỐC CHỮA BỆNH - SẢN XUẤT VÀ ĐÓNG GÓI TẠI VIỆT NAM

Dự kiến quý 4 năm 2018

Stt	Tên thuốc	Công thức, hàm lượng	Chỉ định	Chống chỉ định	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói
1	Lodegald - Col	Colchicin 1mg	Đợt cấp của bệnh gút, Phòng tái phát viêm khớp do gút và điều trị dài ngày bệnh gút:	Suy thận nặng, Suy gan nặng, Người mang thai. Bệnh nhân có nguy cơ bị glôcôm góc hẹp. Người có bệnh đường tiêu hóa nghiêm trọng, rối loạn tim mạch, loạn tạo máu.	Viên nén	Hộp 01 vỉ x 01 viên
2	Avacno	Acetylcystein 20mg	Dùng làm thuốc tiêu chất nhầy trong điều trị bổ sung đối với bệnh nhân có đờm đặc quánh trong viêm phế quản cấp và mạn tính. Dùng làm chất giải độc trong điều trị ngộ độc paracetamol.	Quá mẫn với acetylcystein hoặc với bất cứ thành phần nào của thuốc. Bệnh nhân bị bệnh hen hoặc có tiền sử co thắt phế quản. Trẻ em dưới 2 tuổi.	Thuốc Cốm	Hộp 03 vỉ x 10 viên Hộp 10 vỉ x 10 viên
3	LIMOSOLD	Methylprednisolon 4mg	Methylprednisolone được chỉ định trong liệu pháp không đặc hiệu cần đến tác dụng chống viêm và giảm miễn dịch của glucocorticoid đối với: viêm khớp dạng thấp, lupus ban đỏ hệ thống, một số thể viêm mạch, viêm động mạch thái dương, viêm quanh động mạch nốt, bệnh sarcoid, hen phế quản, viêm loét đại tràng mạn, thiếu máu tan máu, giảm bạch cầu hạt, và những bệnh dị ứng nặng gồm cả phản vệ, trong điều trị ung thư như bệnh leukemia cấp tính, u lympho, ung thư vú và ung thư tuyến tiền liệt. – Methylprednisolone còn được chỉ định trong hội chứng thận hư nguyên phát.	Quá mẫn với methylprednisolone hoặc bất cứ thành phần nào của thuốc. Nhiễm khuẩn nặng, trừ sốt nhiễm khuẩn và lao màng não. Thương tổn da do virus, nấm hoặc lao. Đang dùng vaccin virus sống.	Viên nén	Hộp 03 vỉ x 10 viên Hộp 10 vỉ x 10 viên
4	TESIMALD-Sulfamid	Sulfamethoxazol 200mg Trimethoprim 40mg	Nhiễm khuẩn do các vi khuẩn nhạy cảm với cotrimoxazol: Nhiễm khuẩn đường tiết niệu: Nhiễm khuẩn đường tiết niệu dưới không biến chứng. Nhiễm khuẩn đường tiết niệu mạn tính, tái phát ở nữ trưởng thành. Viêm tuyến tiền liệt nhiễm khuẩn. Nhiễm khuẩn đường hô hấp: Đợt cấp viêm phế quản mạn. Viêm phổi, Viêm tai giữa cấp ở trẻ em. Viêm xoang má cấp người lớn. Nhiễm khuẩn đường tiêu hóa: Ly trực khuẩn (tuy nhiên, kháng thuốc phổ biến tăng). Thuốc hàng hai trong điều trị thương hàn (ceftriaxon hoặc một fluoroquinolon thường được ưa dùng). Nhiễm khuẩn do Pneumocystis carinii: Viêm phổi do Pneumocystis carinii.	Suy thận nặng mà không giám sát được nồng độ thuốc trong huyết tương; người bệnh được xác định thiếu máu nguyên hồng cầu khổng lồ do thiếu acid folic; mẫn cảm với sulfonamid hoặc với trimethoprim; trẻ nhỏ dưới 2 tháng tuổi.	Thuốc Cốm	Hộp 03 vỉ x 10 viên Hộp 10 vỉ x 10 viên

DANH MỤC THUỐC CHỮA BỆNH - SẢN XUẤT VÀ ĐÓNG GÓI TẠI VIỆT NAM

Dự kiến quý 4 năm 2018

Stt	Tên thuốc	Công thức, hàm lượng	Chỉ định	Chống chỉ định	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói
5	Kimasuld	Cinnanizin 25mg	Rối loạn tiền đình: điều trị duy trì các triệu chứng rối loạn mê đạo bao gồm chóng mặt, hoa mắt, choáng váng, ù tai, rung giật nhãn cầu, buồn nôn và nôn. - Phòng ngừa say sóng, say tàu xe và phòng ngừa chứng đau nửa đầu. - Điều trị duy trì các triệu chứng bắt nguồn từ mạch máu não bao gồm hoa mắt, choáng váng, ù tai, nhức đầu nguyên nhân mạch máu, rối loạn kích thích và khó hòa hợp, mất trí nhớ, kém tập trung. - Điều trị duy trì các triệu chứng rối loạn tuần hoàn ngoại biên bao gồm bệnh Raynaud, xanh tím đầu chi, đi khập khễnh cách hồi, rối loạn dinh dưỡng, loét giãn tĩnh mạch, tê rần, co thắt cơ buổi tối, lạnh đầu chi.	Quá mẫn với thuốc. Loạn chuyển hoá porphyrin.	Viên nang cứng	Hộp 05 vi x 10 viên Hộp 10 vi x 10 viên
6	LODEGALD -ACE	N-Acetyl-L-Cystein200 mg Tá dược vừa đủ 1 viên	Làm long đàm trong trường hợp viêm phế quản- phổi, viêm khí phế quản cấp và mạn. Phòng ngừa các biến chứng hô hấp ở bệnh nhân nhiễm khuẩn, đa tiết phế quản, làm sạch thường quy trong mờ khí quản.	Quá mẫn với thành phần của thuốc. Tiền sử hen suyễn. Trẻ dưới 2 tuổi	Viên nén	Hộp 03 vi x 10 viên Hộp 10 vi x 10 viên
7	Labonvild	Magnesi lactac 470mg Vitamin B6 5mg	Điều trị các trường hợp thiếu Magnesi đơn thuần hay phối hợp. Trong trường hợp thiếu đồng thời Magnesi và Calci, nên bù Magnesi trước. Điều trị các trường hợp thiếu magnésium nặng, riêng biệt hay kết hợp. Dùng cho trường hợp bị thiếu canxi đi kèm. Điều trị bệnh rối loạn chức năng của những con lo âu đi kèm với tăng thông khí hay còn được gọi là tạng co giật khi chưa có điều trị đặc hiệu.	Quá mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc. Suy thận nặng (có thể xem xét dựa trên hệ số thanh thải creatinin dưới 30 ml/phút). Những bệnh nhân đang dùng tetracyclin. Những bệnh nhân đang dùng levodopa.	Viên nén	Hộp 03 vi x 10 viên Hộp 10 vi x 10 viên
8	LODEGALD-PARA	Paracetamol 500mg Cafein 65mg	Làm giảm đau nhanh chóng và hiệu quả các cơn đau như đau đầu, đau nửa đầu, đau họng, đau bụng kinh, đau sau nhổ răng hoặc các thủ thuật nha khoa, đau răng, đau nhức cơ, gân, đau do chấn thương, đau do viêm khớp, viêm xoang, đau nhức do cảm lạnh, cảm cúm. Hạ sốt nhanh.	Mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc. Người bệnh thiếu máu, có bệnh tim, phổi, thận hoặc gan. Người bệnh thiếu hụt glucose - 6 - phosphat dehydrogenase	Viên nén bao phim	Hộp 03 vi x 10 viên Hộp 05 vi x 10 viên
9	LODEGALD -LEVO	Levofloxacin 500 mg Tá dược vừa đủ 1 viên	Điều trị nhiễm trùng nhẹ, trung bình & nặng ở người lớn > 18 tuổi như: Viêm xoang cấp, đợt cấp viêm phế quản mãn, viêm phổi, viêm phổi mắc phải trong cộng đồng, nhiễm trùng da & cấu trúc da, nhiễm trùng đường tiết niệu có & không có biến chứng, viêm thận - bể thận cấp tính.	Quá mẫn với thành phần thuốc, nhóm quinolon.	Viên nén	Hộp 02 vi x 10 viên nén Hộp 10 vi x 10 viên nén
10	LODEGALD- URSO	Acid Ursodesoxycholic 300 mg Tá dược vừa đủ 1 viên	Hỗ trợ điều trị sỏi mật cholesterol, viêm túi mật, viêm đường dẫn mật Chứng khó tiêu, chán ăn do rối loạn đường mật Cải thiện chức năng gan ở bệnh nhân viêm gan Hỗ trợ điều trị xơ hóa và ung thư gan/mật do rượu. Di chứng của phẫu thuật cắt bỏ ruột	Người bị nghẽn túi mật hoàn toàn Người bị viêm gan nặng Phụ nữ mang thai và cho con bú	Viên nang cứng	Hộp 03 vi x 10 viên nang cứng Hộp 10 vi x 10 viên nang cứng

DANH MỤC THUỐC CHỮA BỆNH - SẢN XUẤT VÀ ĐÓNG GÓI TẠI VIỆT NAM

Dự kiến quý 4 năm 2018

Stt	Tên thuốc	Công thức, hàm lượng	Chỉ định	Chống chỉ định	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói
11	LODEGAL- CARBO	Carbocystein 375 mg Tá dược vừa đủ 1 viên	Rối loạn cấp hay mãn tính đường hô hấp trên và dưới đi kèm theo tăng tiết đàm nhầy đặc và dai dẳng như viêm mũi, viêm xoang, viêm phế quản cấp và mãn, khí phế thũng và giãn phế quản.	Quá mẫn cảm với các thành phần của thuốc. Thận trọng lúc dùng : CHÚ Ý ĐỀ PHÒNG Trường hợp ho có nhiều đàm cần phải được tôn trọng vì là yếu tố cơ bản bảo vệ phổi - phế quản. Phối hợp thuốc tan đàm với thuốc ho hoặc các thuốc làm khô đàm (tác dụng atropinic) là không hợp lý. THẬN TRỌNG LÚC DỪNG Dùng thận trọng ở người bị loét dạ dày - tá tràng.	Viên nang cứng	Hộp 03 vỉ x 10 viên Hộp 10 vỉ x 10 viên
12	LODEGAL- COL	Colchicin 1 mg Tá dược vừa đủ 1 viên	Đợt cấp của bệnh gút: Colchicin là thuốc được chọn dùng để làm giảm đau trong các đợt gút cấp. Colchicin còn được dùng để chẩn đoán viêm khớp do gút (nếu có đáp ứng với trị liệu bằng colchicin thì chứng tỏ là có tinh thể urat vì tinh thể này khó bị phát hiện, nhất là khi chỉ bị ở các khớp nhỏ). Phòng tái phát viêm khớp do gút và điều trị dài ngày bệnh gút: Colchicin thường được phối hợp với probenecid để tăng khả năng dự phòng. Viêm khớp trong sarcoidose, viêm khớp kèm thêm nốt u hồng ban, viêm sụn khớp cấp có canxi hóa. Liệu pháp đề phòng ngăn hạn trong giai đoạn đầu của trị liệu với allopurinol và các thuốc tăng đào thải acid uric.Colchicin còn dùng điều trị bệnh sốt chu kỳ.	Suy thận nặng. Suy gan nặng. Người mang thai. Bệnh nhân có nguy cơ bị glôcôm góc hẹp. Người có bệnh đường tiêu hóa nghiêm trọng, rối loạn tim mạch, loạn tạo máu.	Viên nén	Hộp 02 vỉ x 10 viên Hộp 05 vỉ x 10 viên
13	LODEGAL -NEFO	Nefopam hydrochlorid 30 mg Tá dược vừa đủ 1 viên	Nefopam được chỉ định để giảm đau cấp tính và mãn tính, bao gồm đau sau khi phẫu thuật, đau răng, đau cơ xương, đau chấn thương cấp tính và đau ung thư.	Nefopam chống chỉ định ở những bệnh nhân có tiền sử rối loạn co giật và không nên dùng cho những bệnh nhân dùng chất ức chế mono-amine-oxidase (MAO). Nefopam là chống chỉ định ở bệnh nhân có Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào	Viên nang cứng	Hộp 03 vỉ x 10 viên Hộp 05 vỉ x 10 viên
14	LODEGAL- TRIGY	Metronidazol 500 mg Neomycin sulfat 65000 IU Nystatin 100000 IU Tá dược vừa đủ 1 viên	Viêm âm đạo do các vi khuẩn sinh mù thông thường. Viêm âm đạo do Gardnerella vaginalis. Viêm âm đạo do Trichomonas. Viêm âm đạo do nhiễm nấm đặc biệt là Candida albicans. Viêm âm đạo do nhiễm đồng thời Trichomonas và nấm men. Viêm âm đạo do các tác nhân phối hợp.	Dị ứng với các thành phần của thuốc. Cần thận: Không nên điều trị kéo dài vì nguy cơ các vi sinh vật đề kháng chọn lọc và sự bội nhiễm	Viên nén	Hộp 01 vỉ x 10 viên Hộp 05 vỉ x 10 viên
15	LODEGAL -ESO	Esomeprazole 20 mg Tá dược vừa đủ 1 viên	Esomeprazole được sử dụng để điều trị bệnh trào ngược trị liệu (GERD) và được sử dụng kết hợp với amoxicillin và clarithromycin (Biaxin) để điều trị tình trạng loét dạ dày và nhiễm H. pylori. Nó cũng được sử dụng để hội chứng hội chứng Zollinger-Ellison	Tiền sử quá mẫn với hoạt chất Esomeprazole hoặc với bất kỳ tá dược nào của thuốc này	Viên nang cứng	Hộp 01 vỉ x 10 viên Hộp 03 vỉ x 10 viên

DANH MỤC THUỐC CHỮA BỆNH - SẢN XUẤT VÀ ĐÓNG GÓI TẠI VIỆT NAM

Dự kiến quý 4 năm 2018

Stt	Tên thuốc	Công thức, hàm lượng	Chỉ định	Chống chỉ định	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói
16	Ciacilove	Tadalafil 10mg	Các trường hợp bị rối loạn cương dương. Cần có hoạt động kích thích tình dục thì thuốc mới có hiệu quả. Không có chỉ định thuốc cho phụ nữ.	Bệnh nhân bị nhồi máu cơ tim. Bệnh nhân có cơn đau thắt ngực không ổn định. Suy tim nặng. Loạn nhịp tim, huyết áp thấp, hay cao huyết áp không kiểm soát được. Bệnh nhân bị tai biến mạch máu não. Quá mẫn với thành phần của thuốc.	Viên nén	Hộp 01 vi x 10 viên Hộp 03 vi x 10 viên
17	Kymbokuld	Diphenhydramin.HCl 50mg	Giảm nhẹ các triệu chứng dị ứng do giải phóng histamin, bao gồm dị ứng mũi và bệnh da dị ứng. Có thể dùng làm thuốc an thần nhẹ ban đêm. Phòng say tàu xe và trị ho. Dùng làm thuốc chống buồn nôn. Điều trị các phản ứng loạn trương lực do phenothiazin.	Mẫn cảm với diphenhydramin và những thuốc kháng histamin khác có cấu trúc hóa học tương tự; hen; trẻ sơ sinh.	Viên nén	Hộp 01 vi x 10 viên Hộp 03 vi x 10 viên
18	Muxis kid	Flunarizin 5mg	Dự phòng đau nửa đầu cổ điển (có dấu hiệu báo trước như mờ mắt, chói mắt...) hoặc đau nửa đầu dạng thông thường (không có dấu hiệu báo trước). Điều trị chứng chóng mặt do rối loạn tiền đình.	Bệnh nhân mẫn cảm với Flunarizin hoặc với các thuốc chặn kênh calci có cùng cấu trúc với Flunarizin hoặc với bất cứ thành phần nào của thuốc. - Bệnh nhân có tiền sử mắc bệnh trầm cảm, bệnh Parkinson hoặc chứng rối loạn ngoại tháp khác. - Phụ nữ có thai. - Trẻ em dưới 12 tuổi.	Viên nang	Hộp 01 vi x 10 viên Hộp 03 vi x 10 viên
19	LODEGALD-DEXTROM	DextromethorphanHBr 5mg Clorpheniramin M. 1mg Guaifenesin 50mg	Giảm triệu chứng gây ho, giảm cơn ho do họng và phế quản bị kích thích khi cảm lạnh thông thường hoặc khi hít phải chất kích thích	Quá mẫn cảm với bất kỳ thành phần của thuốc, Phụ nữ mang thai, Trẻ em dưới 2 tuổi, Rối loạn chuyển hóa Porphyrin, người bệnh đang cơn hen cấp, người bệnh có triệu chứng phì đại tuyến tiền liệt, glaucom góc hẹp, tắc cổ bàng quang, loét dạ dày chít, tắc môn vị - tá tràng, người cho con bú, trẻ sơ sinh và trẻ đẻ thiếu tháng. Người bệnh dùng thuốc ức chế Monoamin oxidase (MAO) trong vòng 14 ngày, tính đến thời điểm điều trị bằng Chlorpheniramine vì tính chất chống tiết Acetylcholine của Chlorpheniramine bị tăng lên bởi các ức chế MAO, vì có thể gây những phản ứng nặng như sốt cao, chóng mặt, tăng huyết áp, chảy máu não, thậm chí tử vong. Người bệnh thiếu hụt Glucose-6-phosphat dehydrogenase (Do công thức có Aspartam) và người bị Phenylketon - niệu (Thiếu hụt gen xác định tình trạng của Phenylalanine hydroxylase). Người phải kiêng ăn muối (kiêng ăn mặn)	Thuốc cốm	Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói
20	Omaxu	Erythromycin 250mg	Các nhiễm khuẩn đường hô hấp, da và các mô mềm, các cơ quan tiết niệu-sinh dục, đường tiêu hóa. Phối hợp với Neomycin để phòng nhiễm khuẩn khi tiến hành phẫu thuật ruột. Dùng thay thế các kháng sinh b- lactam ở những bệnh nhân dị ứng Penicillin. Dùng thay thế Penicillin trong dự phòng dài hạn thấp khớp cấp.	Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc. Bệnh nhân trước đây đã dùng Erythromycin mà có rối loạn về gan, bệnh nhân có tiền sử bị điếc, bệnh nhân rối loạn chuyển hóa porphyrin cấp. Phối hợp với Terfenadine, Astemizole.	Thuốc cốm	Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói

DANH MỤC THUỐC CHỮA BỆNH - SẢN XUẤT VÀ ĐÓNG GÓI TẠI VIỆT NAM

Dự kiến quý 4 năm 2018

Stt	Tên thuốc	Công thức, hàm lượng	Chỉ định	Chống chỉ định	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói
21	Beldekeld	Roxithromycin 50mg	Roxithromycin được chỉ định trong điều trị các nhiễm khuẩn do các vi khuẩn nhạy cảm gây ra: Nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới, tai- mũi- họng: viêm họng, viêm phế quản, viêm amidan, viêm phổi, viêm xoang. Nhiễm khuẩn đường niệu- sinh dục không do lậu cầu: viêm niệu đạo, viêm cổ tử cung- âm đạo. Nhiễm khuẩn da và mô mềm. Nhiễm khuẩn răng miệng.	Mẫn cảm với nhóm Macrolide. Không dùng chung với các Alkaloid gây co mạch của nấm cựa gà.	Thuốc bột	Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói
22	Pantoprazol	Pantoprazol 40mg	Loét dạ dày tá tràng. Bệnh trào ngược dạ dày-thực quản (GERD). Dạng viên được dùng phối hợp với 2 kháng sinh thích hợp (xem phần Liều lượng và Cách dùng) để diệt Helicobacter pylori ở những bệnh nhân loét dạ dày tá tràng để làm lành loét và chống tái phát.	Không nên dùng Pantoprazole cho các trường hợp có tiền sử nhạy cảm với pantoprazole. Kinh nghiệm lâm sàng về Pantoprazole khi dùng trong thai kỳ hiện còn hạn chế. Hiện không có thông tin về bài xuất của pantoprazole qua sữa mẹ. Chỉ dùng Pantoprazole khi lợi ích cho người mẹ được xem là lớn hơn rủi ro đối với thai nhi và em bé.	Viên bao tan trong ruột	Hộp 01 vi x 10 viên Hộp 03 vi x 10 viên
23	LODEGALD - Dicl	Diclofenac 50mg	Điều trị dài hạn các triệu chứng trong: thoái hóa khớp, viêm khớp mạn tính, nhất là viêm đa khớp dạng thấp, viêm khớp đốt sống, ... Điều trị ngắn hạn trong những trường hợp viêm đau cấp tính: tai- mũi- họng, sản phụ khoa, đau bụng kinh, sau chấn thương hoặc phẫu thuật, viêm bao hoạt dịch, ...	Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc. Loét dạ dày tá tràng, bệnh tim mạch. Suy gan nặng, suy thận nặng. Cơ địa xuất huyết.	Viên bao tan trong ruột	Hộp 01 vi x 10 viên Hộp 03 vi x 10 viên
24	JUMIOP-Tyrothri	Tyrothricin 0,5mg Benzal kolium clorid 1,0mg Benzocaine 1,5mg	Đau họng do viêm, viêm mũi hầu, viêm Amidal, nhiễm khuẩn ở khoang miệng, viêm nướu răng. Điều trị chứng hôi miệng	Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.	Viên ngậm	Hộp 01 vi x 10 viên Hộp 03 vi x 10 viên
25	FAYMASLD-Raceca	Racecadotril 10mg	Điều trị triệu chứng tiêu chảy cấp tính ở trẻ em và người lớn.	Quá mẫn với racecadotril. Suy gan, suy thận. Không dùng cho phụ nữ có thai và cho con bú.	Thuốc bột	Hộp 01 vi x 10 viên Hộp 03 vi x 10 viên
26	MANGULULD	Natri Rabeprazole 20mg	Điều trị các chứng bệnh loét dạ dày, tá tràng. Hỗ trợ bệnh nhân sau khi ăn bị trào ngược Điều trị dài hạn chứng tăng tiết bệnh lý đối với bệnh nhân có hội chứng Zollinger -	Người bị mẫn cảm với thành phần của thuốc. Bệnh nhân bị tiêu chảy nghiêm trọng. Người có lượng magie thấp trong máu, hoặc đã có tiền sử (đã được kiểm tra qua xét nghiệm). Bệnh nhân có vấn đề về xương như loãng xương. Người bị viêm dạ dày. Người bị bệnh gan, thận. Người bị suy tim	Viên bao tan trong ruột	Hộp 01 vi x 10 viên Hộp 03 vi x 10 viên

DANH MỤC THUỐC CHỮA BỆNH - SẢN XUẤT VÀ ĐÓNG GÓI TẠI VIỆT NAM

Dự kiến quý 4 năm 2018

Stt	Tên thuốc	Công thức, hàm lượng	Chỉ định	Chống chỉ định	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói
27	Lodegald - oresol	Natri clodide 2,6g Trinatri citrat 2,9g Kali clorid 1,5g Glucose 13,5g	Dùng trong điều trị mất nước do tiêu chảy ở trẻ em và người lớn. Dùng để thay thế nước và chất điện giải bị mất trong các trường hợp: tiêu chảy cấp, nôn mửa, sốt cao, sốt xuất huyết độ I, II, III (nếu trẻ uống được) hay khi hoạt động thể lực (chơi thể thao, luyện tập nặng nhọc, vận động viên, những người làm việc lâu trong môi trường nắng nóng, ...)	Người bị: rối loạn dung nạp glucose, suy thận cấp, tắc ruột, liệt ruột, thủng ruột. Quá mẫn với bất cứ thành phần nào của thuốc.	Thuốc bột	Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói
28	LODEGALD-Meloxi 7.5	Meloxicam 7,5mg	Viêm khớp dạng thấp và viêm cứng đốt sống. Điều trị triệu chứng ngắn hạn bệnh viêm xương khớp cấp tính. Viêm khớp tự phát ở trẻ vị thành niên.	Quá mẫn với meloxicam hoặc với bất cứ thành phần nào của thuốc. Tiền sử bị chứng mày đay, phù mạch, co thắt phế quản, viêm mũi trầm trọng, hoặc sốc khi kết hợp với aspirin hoặc các thuốc NSAID khác. Tiền sử nhạy cảm với aspirin, bệnh hen suyễn và polyp mũi. Suy gan nặng. Suy thận nặng không được thăm tách. Chảy máu đường tiêu hóa, tiền sử xuất huyết mạch máu não.	Viên nén tan trong ruột	Hộp 01 vỉ x 10 viên Hộp 03 vỉ x 10 viên